**NHỮNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

 **PVFC CAPITAL NĂM 2016.**

1. **Điều chỉnh căn cứ pháp lý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 | Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 | Luật Doanh nghiệp mới đã được ban hành năm 2014. |

1. **Thay đổi trụ sở Công ty**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| Tầng 6, Tòa nhà PVFC Số 22 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà nội.  | Tầng 9, Tòa nhà HAPRO BUILDING, số 11B Cát Linh, quận Đống Đa, Thành Phố Hà nội.  | Thay đổi trụ sở công ty. |

1. **Thay đổi toàn bộ Điều 6 – Quyền và nghĩa vụ của công ty**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| Điều 6 – Quyền và nghĩa vụ của công ty | Thay thế toàn bộ bằng Điều 24. Quy định chung về trách nhiệm và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ của Thông tư 212/2012/TT-BTCngày 05/12/2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ. | Phù hợp với quy định của pháp luật. |

1. **Thay đổi toàn bộ Điều 7 – Hạn chế hoạt động của công ty**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| Điều 7 – Hạn chế hoạt động của công ty | Thay thế toàn bộ bằng Điều 25. Hạn chế đối với hoạt động của công ty quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ của Thông tư 212/2012/TT-BTCngày05/12/2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ. | Phù hợp với quy định của pháp luật. |

1. **Bãi bỏ quy định tại điểm b, c, d, e Khoản 8.2 Điều 8:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| * 1. **Các nguồn vốn khác**

Ngoài Vốn Điều lệ quy định tại Điều , Công ty có thể huy động vốn thông qua các hình thức: 1. a) Phát hành Cổ phiếu mới (ở trong và ngoài nước) theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan;
2. b) Vay vốn dưới các hình thức khác nhau từ các định chế tài chính hay các tổ chức và cá nhân khác trong và ngoài nước;
3. c) Vay vốn của các Cổ đông dưới hình thức phát hành trái phiếu hay các hình thức vay khác;
4. d) Vay tín dụng thương mại thông qua mua hàng trả chậm và các hình thức tín dụng thương mại khác;
5. e) Phát hành trái phiếu Công ty hoặc các công cụ tài chính khác trên thị trường chứng khoán tập trung hoặc không tập trung ở trong và goài nước phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan; và
6. f) Huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Để phục vụ mục đích vay vốn, Công ty có quyền thế chấp, cầm cố, và tạo lập các biện pháp bảo đảm phù hợp với Pháp luật với điều kiện là các biện pháp bảo đảm này không liên quan hay làm ảnh hưởng đến chứng khoán và/hoặc tiền đầu tư của nhà đầu tư. Nếu bên cho vay là pháp nhân nước ngoài có yêu cầu, việc đi vay có thể được điều chỉnh bằng pháp luật nước ngoài nếu việc áp dụng luật nước ngoài không bị pháp luật Việt Nam cấm.  | * 1. **Các nguồn vốn khác**

Ngoài Vốn Điều lệ quy định tại Điều , Công ty có thể huy động vốn thông qua các hình thức: 1. a) Phát hành Cổ phiếu mới (ở trong và ngoài nước) theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan;
2. b) Huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp với các quy định của Pháp luật.
 | Phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 20 Điều 24 của Thông tư 212/2012/TT-BTC: “Vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính phải từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức”. |

1. **Sửa đổi quy định tại các điểm (i) (ii) (iii) (iv) thuộc Khoản 8.4 – Tăng vốn điều lệ như sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| * + - 1. Công ty sẽ gửi thông báo bằng văn bản đến mỗi Cổ đông nêu rõ loại Cổ phần phát hành thêm, giá bán và các điều khoản chung của việc phát hành mà Công ty đề xuất thực hiện;
			2. Mỗi Cổ đông có quyền mua số cổ phần phát hành thêm tối đa tương ứng với với tỷ lệ cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty vào thời điểm phát hành theo mức giá và các điều kiện ghi trong thông báo. Tỷ lệ cổ phần thực tế của các Cổ đông sẽ được xác định theo Sổ đăng ký Cổ đông;
			3. Sau khi nhận thông báo nêu trên, mỗi Cổ đông sẽ có ít nhất là 21 ngày (số ngày cụ thể sẽ được nêu trong thông báo nêu tại điểm (i) ở trên) để đăng ký bằng văn bản số lượng cổ phần mà họ sẽ thực tế mua;
			4. Nếu Cổ đông không đăng ký mua cổ phần phát hành thêm trong thời hạn quy định hoặc số lượng đăng ký mua thực tế thấp hơn so với số lượng tối đa mà họ có thể mua, thì Công ty sẽ có quyền bán số Cổ phần phát hành thêm không được đăng ký mua với mức giá và các điều kiện kèm theo không ưu đãi hơn giá và các điều kiện được ghi trong thông báo gửi cho các Cổ đông;
 | 1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
2. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;
3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
4. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán
 | Phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2014.  |

1. **Sửa đổi quy định tại Điểm (b) thuộc Khoản 8.4 như sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| b) Căn cứ vào quy định tại Điều trên đây, Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành thêm Cổ phần, thông qua việc phát hành công khai hoặc phát hành nội bộ, với điều kiện số Cổ phần phát hành thêm phải nằm trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của Công ty theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, và với điều kiện là giá của mỗi Cổ phần mới này, sau khi đã tính gộp cả chi phí phát hành và các chi phí có liên quan khác, không được thấp hơn giá trị thị trường của mỗi Cổ phần ngay trước ngày bán Cổ phần, ngoại trừ các trường hợp sau:1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần của họ ở Công ty vào thời điểm phát hành được xác định theo Sổ đăng ký Cổ đông;
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phiếu không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới bảo lãnh. Tỷ lệ hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán; và
4. Những trường hợp khác nếu được sự đồng ý của Đại hội đồng Cổ đông.
 | (vi) Căn cứ vào quy định tại Điều 8.4 trên đây, Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: 1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.  | Phù hợp với quy định tại Điều 125 Luật doanh nghiệp 2014. |

1. **Bổ sung quy định tại Điều 9.7 và Điều 9.8:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
|  | Bổ sung điểm (f) thuộc Điều 9.7 như sau: “Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại”. | Phù hợp quy định tại Khoản 6 Điều 126 Luật doanh nghiệp 2014. |
|  | Bổ sung điểm (e) thuộc Điều 9.8 như sau: “Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.Người nhận cổ phần trong các trường hợp được quy định tại Khoản này chỉ trở thành cổ đông của công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông” | Phù hợp quy định tại Khoản 5, Khoản 7 Điều 126 Luật doanh nghiệp 2014.  |
|  |  |  |

1. **Bãi bỏ quy định tại Điểm c Điều 11 – Sổ đăng ký cổ đông**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
|  | Bỏ quy định: “Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần trở lên phải được Công ty đăng ký với Cơ quan Đăng ký Kinh doanh trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Cổ đông này có được tỷ lệ sở hữu đó”. | Không có quy định bắt buộc trong các văn bản luật.  |

1. **Sửa đổi quy định tại Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 26:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| **Điều 14 – Quyền hạn của ĐHĐCĐ**Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn một hoặc một nhóm các giao dịch có liên quan với nhau về mua bán, chuyển giao, chuyển nhượng, hoặc bán tài sản, các quyền lợi theo hợp đồng, thỏa thuận, các khoản phải thu hoặc các tài sản khác của Công ty có giá trị **bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm)** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty | **Điều 13 – Quyền hạn của ĐHĐCĐ**Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn một hoặc một nhóm các giao dịch có liên quan với nhau về mua bán, chuyển giao, chuyển nhượng, hoặc bán tài sản, các quyền lợi theo hợp đồng, thỏa thuận, các khoản phải thu hoặc các tài sản khác của Công ty có giá trị **bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm)** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty; | Phù hợp với quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 135 Luật DN 2014 |
| **Điều 16 – Số đại biểu cần có cho cuộc họp ĐHĐCĐ**1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ ít nhất **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** số cổ phần biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản (a) Điều này, Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại, và được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức Cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ **51% (năm mươi mốt phần trăm)** số cổ phần biểu quyết.
 | **Điều 15 – Số đại biểu cần có cho cuộc họp ĐHĐCĐ**1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ ít nhất **51% (năm mươi mốt phần trăm)** số cổ phần biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản (a) Điều này, Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại, và được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức Cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ **33% (ba mươi ba phần trăm)** số cổ phần biểu quyết.
 | Phù hợp với quy định tại Điều 141 Luật DN 2014 |
| **Điều 18 – Nghị quyết ĐHĐCĐ**1. Đại hội đồng Cổ đông sẽ quyết định các vấn đề của hoạt động kinh doanh bằng nghị quyết. Ngoại trừ trường hợp nêu tại khoản (b) Điều này và các trường hợp khác đã được quy định một cách cụ thể trong Điều lệ này, một nghị quyết sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **65% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Bên cạnh các trường hợp khác đã được quy định trong Điều lệ này, trong các trường hợp dưới đây, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông sẽ chỉ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **75% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
* - Quyết định các loại cổ phiếu mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại cổ phiếu, và số lượng cổ phiếu được phát hành đối với mỗi loại;
* - Mọi sự sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ này;
* - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên của Ban Kiểm soát;
* - Tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;
* - Giao dịch với Bên có liên quan được đề cập tại Điều 39.1; và
* - Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn bất kỳ một giao dịch hoặc một nhóm các giao dịch có liên quan với nhau, có giá trị bằng hoặc lớn hơn **50% (năm mươi phần trăm)** tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty vào thời điểm tham gia giao dịch.
 | **Điều 17 – Nghị quyết ĐHĐCĐ**1. Đại hội đồng Cổ đông sẽ quyết định các vấn đề của hoạt động kinh doanh bằng nghị quyết. Ngoại trừ trường hợp nêu tại khoản (b) Điều này và các trường hợp khác đã được quy định một cách cụ thể trong Điều lệ này, một nghị quyết sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **51% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Bên cạnh các trường hợp khác đã được quy định trong Điều lệ này, trong các trường hợp dưới đây, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông sẽ chỉ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **65% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
* - Quyết định các loại cổ phiếu mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại cổ phiếu, và số lượng cổ phiếu được phát hành đối với mỗi loại;
* - Mọi sự sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ này;
* - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên của Ban Kiểm soát;
* - Tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;
* - Giao dịch với Bên có liên quan được đề cập tại Điều 39.1; và
* - Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn bất kỳ một giao dịch hoặc một nhóm các giao dịch có liên quan với nhau, có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35% (ba mươi lăm phần trăm)** tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty vào thời điểm tham gia giao dịch.
 | Phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật DN 2014 |
| **Điều 27 – Cuộc họp HĐQT**1. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được tiến hành trong vòng **15 (mười lăm)** ngày sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người được đề cập tại khoản (a) của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi Thành viên tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất **bảy (7)** ngày trước ngày họp
 | **Điều 26 – Cuộc họp HĐQT**1. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được tiến hành trong vòng **07 (bảy)** ngày sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người được đề cập tại khoản (a) của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi Thành viên tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất **03 (ba)** ngày trước ngày họp
 | Phù hợp với quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 153 Luật DN 2014. |
|  | **Bổ sung quy định tại Điểm h Điều 26:**1. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 | Phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 153 Luật DN 2014. |

1. **Sửa đổi quy định tại Điểm a Điều 23 – Thành viên HĐQT như sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| 1. Trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ có từ năm (05) đến bảy (07) Thành viên. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên sẽ được bổ nhiệm tại phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức theo quy định tại Điều 15.
 | 1. Trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ có từ ba (03) đến năm (05) Thành viên. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên sẽ được bổ nhiệm tại phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức theo quy định tại Điều 14.
 | Phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2014. |

1. **Sửa đổi quy định tại Điều 45 – Quỹ dự trữ như sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định cũ** | **Quy định mới** | **Lý do** |
| ĐIỀU 45. QUỸ DỰ TRỮ1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các quỹ sau với mức cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm:
* - Quỹ dự trữ tài chính;
* - Quỹ đầu tư phát triển;
* - Quỹ phúc lợi và khen thưởng;
* - Trích quỹ trợ cấp mất việc làm; và
* Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật.
1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
 | ĐIỀU 45. QUỸ DỰ TRỮ1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các quỹ sau với mức cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm:
* - Quỹ dự trữ tài chính;
* - Quỹ đầu tư phát triển;
* - Quỹ phúc lợi và khen thưởng;
* - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
* Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật.
1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
 | Phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.  |

1. **Bãi bỏ Điều 38 – Đề cử các chức vụ chủ chốt**

**Lý do**: Phù hợp với tình hình hiện tại của công ty.

1. **Bãi bỏ điểm b Khoản 9.2 Điều 9 – cơ cấu cổ đông hiện tại của công ty**

**Bãi bỏ Điều 10 – Cổ đông**

**Lý do**: Hiện tại cơ cấu cổ đông mới đã được phê duyệt. Việc liệt kê cơ cấu cổ đông cũng như các thông tin của từng cổ đông trong Điều lệ hoạt động của công ty là không bắt buộc theo các văn bản luật hiện hành, đồng thời sau mỗi lần cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác thì sẽ phải sửa Điều lệ.